

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

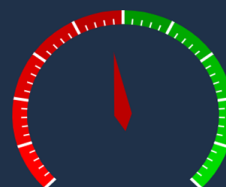
PSI DAILY REPORT

TỔNG HỢP: **BÁN**

Đường trung bình: **TRUNG TÍNH** Mua (6) Bán(6)

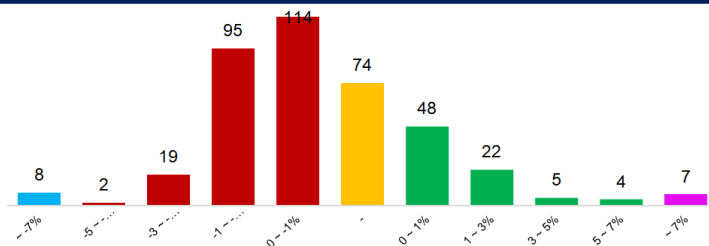
Chỉ số kỹ thuật: **BÁN** Mua (2) Bán (3)

* Dữ liệu được tính toán tự động theo thời gian thực



25/12/2025	HSX	HNX	UPCOM
Chỉ số Index	1,742.85	250.98	119.71
Tăng/ giảm điểm	▼ -39.97	▼ -1.62	▼ -0.19
KLGD (triệu CP)	830	69	50
GTGD (tỷ VNĐ)	26,350.6	1,570.4	683.6
Khối ngoại (tỷ VNĐ)	613.6	-37.1	-2.9

ĐỘ RỘNG SÀN HSX



HIỆU SUẤT CÁC NHÓM NGÀNH 25/12

Ngành	Tăng/Giảm %	Đóng góp Index
Điện, nước & xăng dầu khí	2.32%	1.54
Du lịch và Giải trí	0.07%	0.06
Y tế	0.36%	0.03
Truyền thông	-1.16%	-0.02
Ô tô và phụ tùng	-0.42%	-0.03
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.50%	-0.07
Bảo hiểm	-1.44%	-0.18
Công nghệ Thông tin	-0.65%	-0.25
Xây dựng và Vật liệu	-0.96%	-0.31
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.54%	-0.34
Thực phẩm và đồ uống	-0.39%	-0.38
Hóa chất	-0.94%	-0.40
Dầu khí	-1.43%	-0.45
Tài nguyên Cơ bản	-1.06%	-0.58
Bán lẻ	-1.72%	-0.65
Dịch vụ tài chính	-1.55%	-1.49
Ngân hàng	-1.10%	-6.39
Bất động sản	-5.98%	-30.48

BIỂU ĐỒ KỸ THUẬT



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NGÀY

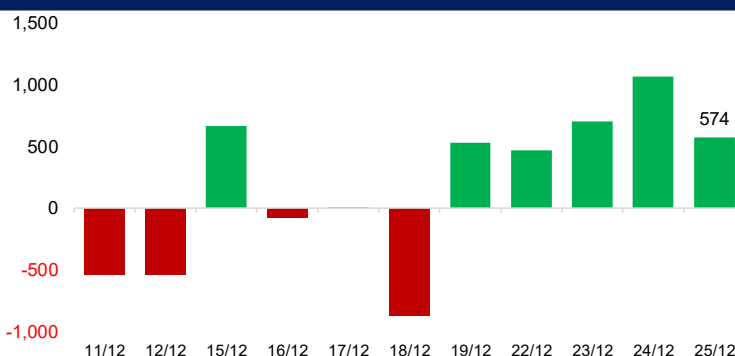
VN-Index ghi nhận phiên giảm mạnh với nến thân dài và bóng trên rất lớn, phản ánh áp lực phân phối rõ rệt tại vùng đỉnh ngắn hạn. Dù chỉ số vẫn nằm trên MA20 và MA50, xu hướng tăng đã suy yếu và chuyển sang giai đoạn điều chỉnh kỹ thuật. Vùng hỗ trợ gần nằm tại 1.720–1.730, trong khi hỗ trợ quan trọng hơn là 1.680–1.700 theo VPVR. Kháng cự mạnh hiện diện quanh 1.780–1.800. Thanh khoản giảm và khối ngoại mua ròng cho thấy dòng tiền chưa rút khỏi thị trường nhưng tâm lý cần thêm thời gian ổn định.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

PSI DAILY REPORT

GIÁ TRỊ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI MUA/BÁN RÒNG (TỶ)

KL MUA	48,039,634
KL BÁN	45,161,891
KL MUA - BÁN	2,877,743
GT MUA	2,190.95 tỷ đồng
GT BÁN	1,617.29 tỷ đồng
GT MUA - BÁN	573.66 tỷ đồng



DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ CỔ PHIẾU NGẮN HẠN

CÁC SẢN PHẨM KHÁC CỦA TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

VIỆT NAM TRONG “CƠN LỐC” THUẾ ĐỐI ỨNG 46% >>> [Xem tại đây](#)

Báo cáo Chiến lược đầu tư 2025 - Kỳ nguyên vẹn mình >>> [Xem tại đây](#)

CHIẾN TRANH THƯƠNG MẠI 2.0: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC >>> [Xem tại đây](#)

Báo cáo triển vọng giá dầu và cổ phiếu dầu khí 2024 - 2025 >>> [Xem tại đây](#)

BÁO CÁO CẬP NHẬT NGÀNH ĐẦU TƯ CÔNG >>> [Xem tại đây](#)

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được PSI đưa ra dựa trên những nguồn tin mà PSI coi là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, PSI không đảm bảo tính đầy đủ và chính xác tuyệt đối của các thông tin này.

Báo cáo được đưa ra dựa trên các quan điểm của cá nhân chuyên viên phân tích, không nhằm mục đích chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo này như một nguồn tham khảo cho quyết định đầu tư của mình và PSI sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này về những tổn thất có thể xảy ra khi đầu tư hoặc thông tin sai lệch về đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này.

DANH MỤC DÀI HẠN - NHÓM CỔ PHIẾU GIÁ TRỊ

Mã cổ phiếu	Tăng trưởng doanh thu			Tăng trưởng lợi nhuận			KLGD trung bình 3 tháng (cp)	ROE TTM	ROA TTM	P/E TTM	P/B TTM
	2022	2023	2024	2022	2023	2024					
BID	20%	0%	3%	69%	20%	17%	7,210,938	17.60%	0.91%	11.49	1.89
MBB	37%	7%	6%	37%	16%	9%	29,971,678	21.36%	2.13%	9.26	1.85
CTG	14%	11%	18%	19%	18%	27%	9,397,336	19.97%	1.24%	9.24	1.71
ACB	24%	6%	11%	43%	17%	5%	15,975,150	20.17%	1.96%	8.91	1.73
SHB	13%	10%	10%	54%	-5%	27%	85,528,584	18.34%	1.43%	7.78	1.35
HDB	30%	23%	39%	27%	26%	28%	23,798,999	25.21%	2.02%	8.12	1.87
MSB	34%	10%	11%	14%	1%	19%	19,606,359	13.65%	1.60%	8.90	1.15
STB	43%	29%	11%	48%	53%	31%	12,981,945	20.70%	1.54%	9.40	1.82
PVT	21%	6%	23%	39%	6%	20%	4,132,282	13.86%	5.45%	7.86	1.05
QNS	13%	21%	2%	3%	70%	9%	229,837	21.22%	14.78%	8.26	1.73

DANH MỤC DÀI HẠN - NHÓM CỔ PHIẾU CỔ TỨC TIỀN MẶT CAO

Mã cp	Tỷ suất cổ tức			Nợ vay tài chính /VCSH	KLGD trung bình 3 tháng (cp)	ROE TTM	ROA TTM	P/E TTM	P/B TTM
	2022	2023	2024						
DCM	6%	9%	6%	0.13	3,869,502	14.74%	9.16%	12.55	1.77
DPM	15%	22%	6%	0.31	3,793,607	4.25%	2.87%	33.57	1.43
GAS	5%	6%	10%	0.05	1,049,249	16.96%	12.13%	15.21	2.57
NT2	9%	14%	9%	0.24	1,037,942	6.79%	3.06%	20.81	1.45
SAB	7%	5%	7%	0.02	1,450,977	17.17%	12.56%	15.23	2.61
VNM	7%	7%	7%	0.26	4,733,510	26.63%	15.80%	15.19	3.95
QNS	7%	7%	9%	0.27	354,059	23.35%	16.14%	10.56	1.14
QTP	12%	17%	11%	0.04	557,688	10.71%	7.82%	7.02	1.85
VEA	12%	11%	13%	0.00	72,551	25.66%	24.42%	17.58	1.77
PVI	6%	5%	6%	0.02	3,869,502	10.23%	2.49%	12.55	1.77

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được PSI đưa ra dựa trên những nguồn tin mà PSI coi là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, PSI không đảm bảo tính đầy đủ và chính xác tuyệt đối của các thông tin này.

Báo cáo được đưa ra dựa trên các quan điểm của cá nhân chuyên viên phân tích, không nhằm mục đích chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo này như một nguồn tham khảo cho quyết định đầu tư của mình và PSI sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này về những tổn thất có thể xảy ra khi đầu tư hoặc thông tin sai lệch về đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này.